

**QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ VÀ DỰ TOÁN QUY HOẠCH CHUNG  
THÀNH PHỐ TRÀ VINH (MỞ RỘNG), TỈNH TRÀ VINH ĐẾN NĂM 2040**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.*

*Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 55A/TTr-SXD ngày 08/4/2022 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 03/BCTĐQH-SXD ngày 08/4/2022 của Sở Xây dựng).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (mở rộng), tỉnh Trà Vinh đến năm 2040, với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích lập quy hoạch: Khu vực lập quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (mở rộng) gồm toàn bộ diện tích thành phố Trà Vinh hiện hữu, một phần huyện Châu Thành (bao gồm toàn bộ xã Hòa Thuận, xã Nguyệt Hóa; toàn bộ ấp Trì Phong, ấp Kinh Xáng thuộc xã Hòa Lợi; toàn bộ ấp Ba Se A, Ba Se B, Ô Chích A, Ô Chích B thuộc xã Lương Hòa) và một phần huyện Càng Long (bao gồm toàn bộ xã Phương Thạnh, xã Đại Phúc, xã Đại Phước), với tổng diện tích khoảng 16.150 ha, tứ cận như sau:

- Phía Đông: giáp xã Hưng Mỹ và phần còn lại xã Hòa Lợi (huyện Châu Thành);

- Phía Tây: giáp các xã Đức Mỹ, Nhị Long Phú, Nhị Long, Bình Phú, Huyện Hội (huyện Càng Long) và xã Song Lộc (huyện Châu Thành);

- Phía Nam: giáp các xã Song Lộc, Lương Hòa A, Đa Lộc, thị trấn Châu Thành và phần còn lại xã Lương Hòa (huyện Châu Thành);

- Phía Bắc: giáp tỉnh Bến Tre.

2. Tính chất và mục tiêu:

a) Tính chất:

- Thành phố Trà Vinh (mở rộng) là đô thị loại II trực thuộc tỉnh Trà Vinh, phát triển theo mô hình đô thị thông minh, sáng tạo, tương tác cao.

- Là trung tâm tổng hợp cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, trung tâm hành chính cấp tỉnh, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Là trung tâm đổi mới sáng tạo dựa trên nền tảng kinh tế tri thức, khoa học công nghệ và hợp tác phát triển; tập trung vào các lĩnh vực giáo dục đào tạo bậc cao, nghiên cứu và sản xuất công nghệ, tài chính và thương mại, dịch vụ; có vai trò là hạt nhân trong đổi mới sáng tạo, phát triển hạ tầng số của tỉnh Trà Vinh.

- Là đầu mối giao thông phía Bắc của tỉnh, đầu mối kết nối các đô thị trong tỉnh và các khu vực trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

#### b) Mục tiêu:

- Tổ chức không gian, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở cho đô thị thành phố Trà Vinh (mở rộng); đề xuất định hướng phát triển phù hợp với cấu trúc, định hướng phát triển đô thị và nông thôn vùng tỉnh Trà Vinh; phân vùng nội thị và ngoại thị phục vụ mở rộng địa giới đơn vị hành chính thành phố Trà Vinh phù hợp với thực tiễn và sự phát triển kinh tế - xã hội của đô thị, đảm bảo quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

- Xây dựng và phát triển thành phố Trà Vinh đạt tiêu chuẩn, tiêu chí thành phố thuộc tỉnh và định hướng xây dựng đô thị thông minh; đảm bảo tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính theo quy định phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cho thành phố Trà Vinh trong thời gian tới, đáp ứng tiêu chuẩn đơn vị hành chính cấp huyện loại I và tiêu chí phân loại đô thị loại II cho thành phố Trà Vinh.

- Đáp ứng các yêu cầu mới trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Trà Vinh (mở rộng); tạo điều kiện khả thi thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề phát triển đô thị hiện nay như: dân số, nhà ở, hạ tầng, giao thông, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, trên cơ sở chuyển đổi và phát triển hạ tầng số. Hướng đến phát triển đô thị có chất lượng sống tốt và môi trường làm việc hấp dẫn; tạo nét đặc trưng riêng cho đô thị Trà Vinh trên cơ sở bảo tồn các di sản văn hóa, không gian cây xanh, cảnh quan sông nước; phát triển hạ tầng đô thị thông minh, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý đầu tư phát triển đô thị, làm cơ sở để lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực và lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung trong đô thị.

### 3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

#### a) Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

- Quy mô diện tích tự nhiên toàn đô thị: 161.500 ha

- + Nhu cầu sử dụng đất dân dụng đến năm 2025: khoảng 900 - 1.200 ha.
  - + Nhu cầu sử dụng đất dân dụng đến năm 2030: khoảng 1.100-1.500 ha.
  - + Nhu cầu sử dụng đất dân dụng đến năm 2040: khoảng 1.600-2.150 ha.
  - Dự báo về quy mô dân số thành phố Trà Vinh mở rộng:
    - + Đến năm 2025: khoảng 200.000 người.
    - + Đến năm 2030: khoảng 242.500 người.
    - + Đến năm 2040: khoảng 355.500 người.
  - Đất dân dụng: 45 - 60m<sup>2</sup>/người.
  - Đất đơn vị ở: 15 - 28 m<sup>2</sup>/người.
  - Đất cây xanh đô thị:  $\geq 6$  m<sup>2</sup>/người.
- b) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật
- Chỉ tiêu cấp nước: 150 - 180 lít/người/ngày đêm.
  - Chỉ tiêu thoát nước: 90% cấp nước.
  - Rác thải sinh hoạt: 1,0 kg/người-ngày; rác thải công nghiệp: 0,4 tấn/ha.ngày.
  - Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt : 1000 - 1.500 kWh/người.năm; chỉ tiêu cấp điện công nghiệp: 50 - 350 kW/ha.
  - Viễn thông: 70 - 85 thuê bao điện thoại/100 dân.
  - Hệ thống đường giao thông nông thôn phải đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.
  - Ngoài ra, các chỉ tiêu hạ tầng khác đảm bảo đúng theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2021/BXD; chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: đảm bảo đúng theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 07:2016/BXD và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành.
4. Yêu cầu cơ bản trong công tác lập quy hoạch:
- a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động; sử dụng đất đai; hiện trạng về xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội, môi trường của đô thị.
  - b) Xác định mục tiêu, động lực phát triển; tính chất, quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị; các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo các giai đoạn phát triển.
  - c) Dự kiến sử dụng đất của đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch.

d) Định hướng phát triển không gian đô thị:

- Hướng phát triển đô thị;
- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị: khu chính trang, cải tạo, khu bảo tồn, khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển;
- Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng phát triển đối với từng khu chức năng;
- Xác định trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, công viên cây xanh và không gian mở của đô thị;
- Định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan cho các khu chức năng của đô thị, trục không gian chính;
- Thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch chung theo quy định tại Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và Thông tư 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

đ) Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất phát triển đô thị; xác định cao độ xây dựng cho toàn đô thị và từng khu vực;
- Xác định mạng lưới giao thông đối ngoại, giao thông đô thị, vị trí và quy mô các công trình đầu mối giao thông; xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị và hệ thống tuynel kỹ thuật;
- Xác định nhu cầu và nguồn cung cấp nước, năng lượng; tổng lượng nước thải, rác thải; vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới truyền tải, phân phối của hệ thống cấp nước, năng lượng và chiếu sáng đô thị, thông tin và truyền thông, thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình khác.

e) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng: về môi trường tự nhiên đô thị về điều kiện khí tượng thủy văn, hệ sinh thái, địa chất, xói mòn đất; khai thác và sử dụng tài nguyên, thay đổi khí hậu; chất lượng nguồn nước, không khí, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn; các vấn đề dân cư, xã hội, văn hoá và di sản.
- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường đô thị; đề xuất hệ thống tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp về định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu.

- Đề ra các giải pháp tổng thể phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục tác động và rủi ro đối với dân cư; hệ sinh thái tự nhiên; nguồn nước, không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị.

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

g) Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

h) Khảo sát (bổ sung) địa hình phục vụ công tác lập quy hoạch chung thành phố Trà Vinh mở rộng, thu thập tài liệu, số liệu hiện trạng, cao độ... sơ bộ khối lượng các loại công tác khảo sát xây dựng.

5. Thành phần hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

6. Tổng dự toán chi phí quy hoạch: 7.133.556.486 đồng (Bảy tỷ một trăm ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi sáu đồng).

Trong đó:

- Chi phí lập đồ án quy hoạch:	5.798.611.157 đồng;
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch:	97.915.046 đồng;
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch:	17.802.736 đồng;
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch:	200.579.231 đồng;
- Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch:	190.036.302 đồng;
- Chi phí công bố đồ án quy hoạch:	173.958.335 đồng;
- Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng:	115.972.223 đồng;
- Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu:	28.935.069 đồng;
- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu:	2.635.732 đồng;
- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu:	2.635.732 đồng;
- Chi phí mua bản đồ địa hình:	10.000.000 đồng;
- Chi phí khảo sát đo đạc (bổ sung) địa hình phục vụ lập quy hoạch:	494.474.923 đồng.

7. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

8. Thời gian lập quy hoạch: 2022 - 2023.

**Điều 2.** Trên cơ sở nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt, Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức lập đồ án quy hoạch chung thành phố Trà Vinh (mở rộng), tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, huyện Càng Long, huyện Châu Thành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- BLĐVP UBND tỉnh;
- Các Phòng: KT, NN, THNV;
- Lưu: VT, Phòng CNXD. 03

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trung Hoàng**